

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương
- Ông Nguyễn Bạch Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Từ Thị Minh Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 77/2025/TLST-DS ngày 18/7/2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 20/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2025/QSĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số B, đường N, phường C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – Chức vụ: Phó giám đốc Khối Quản lý và T cấu trúc Tài sản. (Theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020)

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng Trung N: Bà Trần Thị Quỳnh N1, bà Hứa Thị Ngọc Á, chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng và bà Lê Ngọc Bảo T1, chức vụ: Chuyên viên tố tụng. (Theo Giấy ủy quyền số 4264/UQ-PVB ngày 05/6/2025)

Địa chỉ: Số B, L, phường N, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Y, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số G, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Vắng mặt: Bà Trần Thị Quỳnh N1 (có đơn xin vắng), ông Nguyễn Minh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là chị Trần Thị Quỳnh N1 trình bày:

Ngày 30/10/2019, Ngân hàng TMCP Đ (P1) và Ông Nguyễn Minh Y đã ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, phương án vay kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ CN Gia Định với thông tin cơ bản:

- Khoản vay trả góp: Hạn mức cho vay: 150.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Cho vay trả góp bằng lương; Ngày giải ngân: 07/11/2019; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng; Lãi suất cho vay: từ ngày 07/11/2019 đến ngày 06/02/2020, lãi suất cho vay bằng 16%/năm. Từ ngày 07/02/2020 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: LSCS + 7,5 %/năm. Lãi suất sẽ do P1 quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ; Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại: 23,235%/năm

- Khoản vay thấu chi: Hạn mức cho vay: 10.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Cấp hạn mức thấu chi; Ngày giải ngân: 07/11/2019; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích vay: tiêu dùng; Lãi suất cho vay: từ ngày 07/11/2019 đến ngày 06/02/2020, lãi suất cho vay bằng 18%/năm. Từ ngày 07/02/2020 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: LSCS + 9,5 %/năm. Lãi suất sẽ do P1 quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ; Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại: 26,235%/năm

- Khoản thẻ tín dụng: Số tài khoản thẻ tín dụng: 680294244460797; Trạng thái thẻ hiện tại: Warm card (Là trạng thái thẻ khi chủ thẻ chậm thanh toán sao kê từ 90 ngày trở lên); Ngày phát hành: 13/11/2019; Ngày hết hạn: 30/11/2022; Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng; Lãi suất phát vay: 25%/năm; Mục đích vay: tiêu dùng.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện giải ngân cho Ông Nguyễn Minh Y tổng số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Trong đó, khoản vay trả góp là 150.000.000 đồng, khoản vay thấu chi là 10.000.000 đồng, thẻ tín dụng là 10.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Nguyễn Minh Y đã thực hiện trả nợ cho P1 số tiền như sau: Khoản vay trả góp: 22.824.628 đồng (Trong đó gốc là: 12.970.885 đồng, lãi là: 9.853.743 đồng); Khoản vay thấu chi: 294.422 đồng (Trong đó gốc là: 0 đồng, lãi là: 294.422 đồng); Thẻ tín dụng: 1.524.000 đồng (Trong đó gốc là: 0 đồng, lãi là: 594.000 đồng, phí là 930.000 đồng). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Nguyễn Minh Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho P1. P1 đã rất nhiều lần liên hệ yêu cầu Ông Nguyễn Minh Y thực hiện nghĩa vụ nợ, tuy nhiên Ông Nguyễn Minh Y không thực hiện.

Nay, P1 kính đề nghị Tòa án Nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc Ông Nguyễn Minh Y thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho P1 tổng số tiền 508.119.057 đồng (tạm tính đến 20/08/2025), trong đó:

+ Khoản vay trả góp 307.868.044 đồng: Gốc: 137.029.115 đồng; Lãi: 170.838.929 đồng.

+ Khoản vay thấu chi 24.294.514 đồng: 10.000.000 đồng; Lãi: 14.294.514 đồng.

+ Khoản thẻ tín dụng 175.956.499 đồng: Gốc 9.450.500 đồng; Lãi 44.828.333 đồng; Phí 121.677.666 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Minh Y phải trả cho P1 các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0363/2016/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 27/12/2016 kể từ ngày 21/08/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với các khoản vay trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Minh Y trình bày:
Ông Nguyễn Minh Y vắng mặt tại các phiên làm việc, hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm và không có văn bản ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi và phí đối với thẻ tín dụng. Yêu cầu anh Nguyễn Minh Y thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 23/9/2025 là 366.268.848,01 đồng: Khoản vay trả góp là 311.612.716 đồng, khoản vay thấu chi: 24.819.510 đồng, khoản thẻ tín dụng 29.836.622 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi, phí phát sinh từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với các khoản vay nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Y vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh Y thanh toán cho P1 số tiền tính đến ngày 23/9/2025 là 366.268.848,01 đồng và tiếp tục tính lãi, phí từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với một phần tiền lãi và phí đối của khoản thẻ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: P1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh Y có nghĩa vụ thanh toán cho P1 số tiền 366.268.848,01 đồng theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, phương án vay kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/10/2019, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Minh Y cư trú tại: Số G, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Sự vắng mặt của bị đơn: P1 là người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản. Theo Công văn cung cấp thông tin của Công an xã L, ông Y có đăng ký cư trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp, nên Tòa án tiến hành niêm yết tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với P1 và ông Nguyễn Minh Y theo quy định tại các Điều 228, 238 BLTTDS.

[1.4] P1 có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 17/9/2025, rút một phần yêu cầu đối với khoản thẻ tín dụng, giảm lãi với số tiền 21.250.887 đồng và phí 98.802.930 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Nghĩa vụ chứng minh: P1 khởi kiện yêu cầu ông Y có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ lại 366.268.848,01 đồng và có nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh và tham gia làm việc tại Tòa án để bảo vệ các yêu cầu của P1. Đối với ông Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên làm việc, hòa giải, được thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biết được toàn bộ nội dung vụ án nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản ý kiến là xem như từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2, Điều 91 BLTTDS. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

[2.2] Xác lập giao dịch tín dụng: Theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, phương án vay kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/10/2019 (viết tắt Giấy đề nghị cấp tín dụng), đã được ông Y ký tên xác lập giao dịch và trong quá trình giải quyết vụ án ông Y không có ý kiến phản đối. Việc xác lập giao dịch dân sự giữa P1 và ông Y trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội,

tuan thủ các quy định pháp luật về hình thức và nội dung, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng theo quy định tại mục 4 Bộ luật dân sự 2015 (viết tắt BLDS), Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (viết tắt Luật TCTD). Nên các nội dung Giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 30/10/2019 được thừa nhận và bảo vệ, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, do đó có giá trị ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia.

[2.3.] Thực hiện Hợp đồng:

- Theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, P1 cho ông Y vay 03 khoản: Khoản vay trả góp số tiền 150.000.000 đồng, vay trả góp bằng lương, thời hạn cho vay 60 tháng; K vay thấu chi số tiền 10.000.000 đồng, phương thức cấp hạn mức thấu chi, thời hạn cho vay 12 tháng; Khoản thẻ tín dụng: Số tài khoản thẻ tín dụng: 680294244460797; hạn mức thẻ 10.000.000 đồng. Ngày 08/11/2019, P1 đã giải ngân khoản vay vào tài khoản của ông Y: Khoản vay trả góp giải ngân vào số tài khoản 253000194305 (không sử dụng được, chỉ để nhận giải ngân), sau khi giải ngân ông Y đã chuyển toàn bộ 150.000.000 đồng vào số tài khoản 107000606735, tại P1 và ông Y đã rút toàn bộ số tiền. Khoản vay thấu chi tài khoản 262000005780; Số tài khoản thẻ tín dụng 680294244460797. Như vậy, P1 đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay.

- Đối với nghĩa vụ của ông Y:

Ngay từ kỳ thanh toán đầu tiên đã thanh toán trễ hạn, phát sinh lãi quá hạn. Nhưng sau đó ông Y đã thanh toán toàn bộ, một phần lãi quá hạn phát sinh, ngày thanh toán cuối cùng là 02/6/2020, gồm: Khoản vay trả góp: gốc 12.970.885 đồng, lãi 9.853.743 đồng; K vay thấu chi: lãi 294.422 đồng; Thẻ tín dụng: lãi 594.000 đồng, phí 930.000 đồng, theo sao kê tài khoản 107000606735 tại P1 của ông Y (bút 145) và sổ phụ tài khoản (bút lục 144).

Ngày vi phạm nghĩa vụ: Thấu chi quá hạn từ 29/07/2020, trả góp quá hạn từ 04/5/2020, Thẻ quá hạn từ 09/01/2020. P1 đã có thông báo nợ quá hạn số 5854/PVB-QL&TCTTS ngày 26/7/2024, bằng văn bản này P1 thông báo ông Y phải thanh toán dứt điểm toàn bộ khoản nợ. Tuy nhiên đến nay, P1 cho rằng ông Y không thanh toán thêm khoản nào khác và ông Y không có ý kiến phản đối.

Như vậy, ông Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Phụ lục 1, phụ lục 2 Giấy đề nghị cấp tín dụng nên P1 đã thực hiện các thủ tục chấm dứt cho vay và thu hồi nợ theo thỏa thuận tại chương Sự kiện vi phạm, thay đổi bất lợi đáng kể tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 Giấy đề nghị cấp tín dụng là phù hợp và đúng quy định tại Điều 95 Luật TCTD.

[2.4.] Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng vay trước thời hạn:

- Theo đó, Phụ lục 1, phụ lục 2 Giấy đề nghị cấp tín dụng do ông Y tự nguyện ký xác lập, có ràng buộc: *nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ chưa được thanh toán hết và áp dụng Lãi suất quá hạn đối với các khoản vay và mức lãi suất do P1 đưa ra* là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật TCTD. Do đó, P1 khởi kiện yêu cầu ông Y có nghĩa vụ thanh toán còn nợ lại theo Giấy đề nghị nhận nợ tính đến ngày 23/9/2025, tổng cộng 366.268.848 đồng, đối với: Khoản vay trả góp

là 311.612.716 đồng, trong đó: Gốc 137.029.115 đồng, lãi 174.583.601 đồng; K vay thấu chi 24.819.510 đồng, trong đó: gốc 10.000.000 đồng, lãi 14.819.510 đồng; Khoản thẻ tín dụng 29.836.622 đồng, trong đó: Gốc 9.450.500 đồng, lãi 19.836.122 đồng, phí 550.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

- P1 yêu cầu buộc ông Y thanh toán cho P1 tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phát sinh đối với các khoản vay từ ngày 24/9/2025 tính trên nợ gốc còn lại với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 nên chấp nhận yêu cầu này.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, phí của khoản thẻ tín dụng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

P1 không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, được nhận lại 11.444.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006604 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Minh Y phải chịu 18.313.442 đồng, làm tròn là 18.314.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (là 5% x 366.268.848 đồng phải thanh toán cho P1) theo quy định tại ăn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Minh Y.

1.1. Buộc ông Nguyễn Minh Y thanh toán Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay còn nợ tổng cộng là 366.268.848 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng), trong đó:

Khoản vay trả góp là 311.612.716 đồng: Gốc 137.029.115 đồng, tiền lãi 174.583.601 đồng;

Khoản vay thấu chi là 24.819.510 đồng: Gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 14.819.510 đồng;

Khoản thẻ tín dụng là 29.836.622 đồng: Gốc 9.450.500 đồng, tiền lãi 19.836.122 đồng, phí 550.000 đồng.

1.2. Buộc ông Nguyễn Minh Y thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi, phí phát sinh từ ngày 24/9/2025 đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp tín dụng, phương án vay kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/10/2019.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền lãi 21.250.887 đồng và P 98.802.930 đồng của K thẻ tín dụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 11.444.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số số 0006604 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ông Nguyễn Minh Y phải chịu 18.314.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Đ, ông Nguyễn Minh Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7- Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV7 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Xuyên

